

# CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐIỀU CHỈNH

Ths TRẦN THANH HÀ \*

**C**án cân thương mại (CCTM) là một trong những vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô, là bộ phận cấu thành của cán cân thanh toán và được phản ánh cụ thể trong cán cân tài khoản vãng lai. CCTM là cân đối giữa xuất khẩu (XK) và nhập khẩu (NK), tình trạng của nó (thâm hụt hay thặng dư) thể hiện trạng thái của nền kinh tế. Thâm hụt CCTM là sự mất cân đối giữa XK và NK. Tình trạng NK vượt quá XK duy trì trong dài hạn và vượt quá mức độ cho phép có thể ảnh hưởng xấu đến cán cân vãng lai và gây nên những biến động bất lợi đối với nền kinh tế như gia tăng tình trạng nợ quốc tế, hạn chế khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, tác động tiêu cực đến thu nhập và việc làm và ở mức trầm trọng có thể gây nên khủng hoảng tài chính tiền tệ.

Ở nước ta, trong 20 năm qua (1990-2009), đặc biệt là từ năm 2001 đến nay, CCTM luôn ở trong tình trạng thâm hụt với mức độ ngày càng lớn. Điều này gây ra tâm lý lo ngại trong giới lãnh đạo và các nhà quản lý kinh tế vĩ mô. Đã có nhiều nghiên cứu, nhận định về tình hình này. Câu hỏi đặt ra là tình trạng nhập siêu của ta hiện nay đã ở mức trầm trọng chưa? Mức nhập siêu như thế nào là hợp lý? Nguyên nhân sâu xa của tình trạng này là gì? Khi chưa có câu trả lời rõ ràng về các vấn đề nêu trên thì vẫn còn lúng túng trong việc đề ra các chính sách để điều tiết CCTM, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Bài viết này sẽ cố gắng luận giải

những vấn đề nêu trên.

### 1. Thực trạng cán cân thương mại Việt Nam.

Từ năm 1986 đến nay, CCTM nước ta luôn ở trong tình trạng thâm hụt. Tuy nhiên, mức độ thâm hụt và ảnh hưởng của nó đối với các vấn đề kinh tế vĩ mô khác nhau ở các giai đoạn khác nhau. Có thể chia ra 3 giai đoạn sau đây để phân tích CCTM nước ta.

*Giai đoạn 1986-1992:* Thời kỳ này thâm hụt CCTM ở mức độ vừa phải, trung bình khoảng 50 triệu USD/năm. Hoạt động ngoại thương nước ta thời kỳ trước năm 1986 phụ thuộc quá nhiều vào thị trường các nước trong khối SEV, đặc biệt là Liên Xô. Trao đổi thương mại được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức hàng đổi hàng. Do đó, số liệu thống kê về XK, NK theo giá đồng USD không phản ánh đúng thực chất trao đổi thương mại. Vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ trước, thị trường XK và NK từ các nước Liên Xô và Đông Âu bị thu hẹp, việc mở rộng thị trường tìm đối tác mới gặp nhiều khó khăn, kinh tế trong nước trì trệ, thiếu ngoại tệ để NK và sản xuất chưa định hướng nhiều vào XK. Tuy nhiên, XK trong thời kỳ này bắt đầu tăng trưởng cao nhờ chính sách khuyến khích XK được khởi xướng từ Đại hội VI của Đảng. Mức độ thâm hụt thấp và tương đối ổn định của CCTM phản ánh xu hướng nói trên. Thâm hụt CCTM được bù đắp chủ yếu bằng

\* Đài Tiếng nói Việt Nam.

nguồn vốn viện trợ và đi vay của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

*Giai đoạn 1993-2000:* Đây là thời kì CCTM có nhiều thay đổi với đặc trưng là thâm hụt lớn trong những năm từ 1993-1997. Đặc biệt, năm 1996 thâm hụt đã đến mức báo động, chiếm tới 16,3% GDP. Đây là thời kì nền kinh tế có mức tăng trưởng cao (hơn 9%/năm) và thu hút vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh làm cho nhu cầu NK tăng mạnh. Mặc dù XK tăng trưởng ở mức cao (bình quân trên 30%), nhưng NK tăng nhanh hơn nên thâm hụt CCTM có xu hướng gia tăng.

Từ năm 1997-2000, mức thâm hụt CCTM giảm mạnh, tỉ lệ nhập siêu trên XK giảm từ 26,2% năm 1997 xuống tới mức thấp nhất 7,5% năm 1999 và giữ mức thấp 8% năm 2000. Nguyên nhân chính làm cho mức thâm hụt CCTM trong những năm này thấp là do Chính phủ đã sử dụng các biện pháp phi thuế quan một cách mạnh mẽ để làm giảm tốc độ tăng trưởng NK. Mức tăng trưởng NK giảm tới mức kỉ lục: 0,85% năm 1997; -2,11% năm 1998; 1,1% năm 1999. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng XK, ngoại trừ năm 1998 với mức tăng 1,04%, vẫn giữ ở mức cao: 26,45% năm 1997; 23,2% năm 1999. Một nguyên nhân nữa làm cho thâm hụt CCTM thấp trong giai đoạn này là khủng hoảng tài chính châu Á làm hạn chế luồng đầu tư vào nước ta từ các thị trường mà Việt Nam thường nhập siêu như Hàn Quốc, Đài Loan, Xinh-ga-po.

*Giai đoạn 2001-2009:* Thâm hụt CCTM có xu hướng gia tăng. Tỉ lệ nhập siêu so với kim ngạch XK năm 2002 là 18,1%; năm 2003: 25,0%; năm 2004: 20,5%, 2005 là 14,4%; 2006: 12,1%. Tỉ lệ nhập siêu đặc biệt tăng trong các năm 2007; 2008 và 2009: năm 2007 là 28,7%, năm 2008: 29,1% và năm 2009: 20,0% và đạt mức thâm hụt cao nhất là 18 tỉ USD năm 2008. Điều này có thể giải thích là do: các biện pháp kiểm soát NK được nói lỏng để

thực hiện các cam kết quốc tế với Hoa Kỳ, AFTA, gia nhập WTO; kinh tế thế giới và nhất là khu vực đã phục hồi và phát triển sau khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á; đẩy mạnh hơn nữa CNH, HĐH; đầu tư nước ngoài phục hồi trở lại; phát triển khu vực kinh tế tư nhân; nền kinh tế cần phải chuyển sang phát triển theo chiều sâu... Tuy nhiên, nếu nghiên cứu động thái của XK, NK trong giai đoạn này sẽ thấy mức thâm hụt của CCTM nước ta tiềm ẩn những yếu tố rủi ro đối với nền kinh tế.

## 2. Một số nhận xét về tình trạng nhập siêu.

- Mặc dầu CCTM nước ta trong thời gian qua luôn trong tình trạng thâm hụt, tuy nhiên, nhập siêu vẫn ở mức độ cho phép, chưa gây ra những biến động lớn đối với ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là khả năng trả nợ của Việt Nam. Điều này thể hiện ở tốc độ tăng trưởng XK bình quân từ 1991-2009 luôn lớn hơn mức lãi suất vay nợ bình quân mà ta phải trả. Chỉ số nợ/XK đang ở mức độ cho phép, do thâm hụt thương mại được bù đắp bằng thặng dư trong tài khoản vốn, các khoản chuyển giao như kiều hối, XK lao động, các khoản viện trợ...

- Tỉ lệ nhập siêu ở nước ta trong những năm gần đây ở mức tương đối cao. Tuy nhiên, NK trong thời gian qua chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ cho nhu cầu đầu tư của Nhà nước và của doanh nghiệp (chiếm tới 93% năm 2009). Kinh nghiệm các nước cho thấy, khi tăng NK thông qua tăng đầu tư trong nước thì hoàn toàn có thể kì vọng vào một sự tăng trưởng năng lực sản xuất hàng XK và tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Nhìn dưới góc độ này, NK cao là một dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Ở Việt Nam, khi tình hình tài chính, tiền tệ diễn biến có lợi cho việc cung ứng ngoại tệ như thời gian qua, thì việc tranh thủ NK để đầu tư cũng là điều cần thiết.

- Tuy nhiên, có thể thấy rằng tỉ lệ NK

nguyên liệu thô, bán thành phẩm chiếm tỉ trọng rất cao (trên 60% giai đoạn 1991-2000 và 57% trong giai đoạn 2001-2009). Tỉ trọng kim ngạch NK máy móc thiết bị quá thấp (bình quân 28,7% giai đoạn 1991-2000 và 27% giai đoạn 2001-2009) so với các nước đang tiến hành CNH (khoảng 40%). NK dịch vụ quá nhỏ bé và đặc biệt là các phát minh, sáng chế hầu như không có. Điều này một mặt làm hạn chế quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, mặt khác, làm hạn chế tăng năng suất lao động xã hội và kết quả là giảm khả năng cạnh tranh của hàng hoá và dịch vụ. Hơn nữa, sự phụ thuộc quá mức hiện nay của Việt Nam vào nguồn nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ cho XK làm gia tăng mức độ rủi ro XK bởi vì đây là nhóm hàng có độ co giãn về giá cao, dễ bị biến động lớn về giá khi môi trường kinh tế thay đổi. Những yếu tố này làm cho việc cải thiện CCTM trong dài hạn gặp nhiều khó khăn.

- Thâm hụt CCTM của Việt Nam chủ yếu với các nước châu Á. Từ năm 1996 đến nay, Việt Nam nhập siêu từ các thị trường ASEAN, Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc và xuất siêu đối với thị trường các nước phát triển như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ. Từ năm 2000 đến nay mức độ nhập siêu từ khu vực châu Á có xu hướng gia tăng, đặc biệt với Trung Quốc. Năm 2009, nhập siêu từ Trung Quốc chiếm đến 90% tổng nhập siêu của Việt Nam (11 tỉ USD). Điều này cho thấy, *một mặt*, mức độ mở cửa với khu vực của Việt Nam khá cao, *mặt khác*, NK của Việt Nam phụ thuộc quá lớn vào các thị trường châu Á với nguồn nguyên, nhiên liệu, công nghệ, máy móc, hàng tiêu dùng chất lượng trung bình. Nó cũng phản ánh trình độ sản xuất và khả năng cạnh tranh thấp của Việt Nam so với các nước trong khu vực. Xu hướng này khác hẳn với các nước CNH châu Á trước đây là NK của họ từ các nước phát triển chiếm tỉ trọng lớn trong tổng kim ngạch NK.

- Thâm hụt CCTM thể hiện khả năng

cạnh tranh thấp của hàng hoá XK và hàng hoá thay thế NK được sản xuất trong nước. Điều này thể hiện trước hết là tăng trưởng XK của ta chủ yếu tăng về lượng, yếu tố giá trị gia tăng chưa phải là đặc trưng của hàng XK. Nhóm hàng nông sản của ta chủ yếu là xuất thô, với giá thấp hơn nhiều so với các sản phẩm cùng loại của Thái Lan; các sản phẩm chế biến như dệt may, da giày hàm lượng nguyên liệu NK còn quá cao. Tỉ trọng XK hàng công nghệ cao quá nhỏ bé (4,2% năm 2004, trong khi Trung Quốc là 30%). Việt Nam cần nhập nhiều nguyên phụ liệu, bán thành phẩm bởi vì chất lượng nhóm hàng này được sản xuất trong nước thấp.

- Thâm hụt CCTM thể hiện xu hướng đầu tư thay thế NK chiếm ưu thế và hiệu quả đầu tư thấp. Trong dài hạn, CCTM sẽ được cải thiện nếu NK phục vụ cho XK và cải thiện khả năng cạnh tranh của hàng hoá tiêu dùng trong nước. Trong những năm qua, đầu tư ở nước ta còn tập trung lớn vào các ngành thay thế NK, sử dụng nhiều vốn. Nhiều dự án đầu tư mang lại hiệu quả thấp như xi măng, mía đường, thép, lọc dầu...

- Thâm hụt CCTM thể hiện chậm chuyển dịch cơ cấu XK theo hướng gia tăng tỉ trọng XK hàng chế biến. Phân tích cơ cấu XK của nước ta trong giai đoạn 1991-2009 cho thấy mức độ gia tăng của hàng XK chế biến là quá thấp so với các nước và vùng lãnh thổ như Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan. Hiện nay, tỉ trọng nhóm hàng chế biến mới chiếm khoảng 50% (2009), trong khi các nước nói trên có tỉ lệ này là 70-90%. Tỉ trọng XK hàng khoáng sản, nông sản, thủy sản tuy có chiều hướng giảm nhưng vẫn còn cao. Điều này cho thấy chuyển dịch cơ cấu hàng XK của ta chưa thể hiện rõ nét xu hướng CNH, HĐH.

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu, khu vực trong nước nhập siêu. Đây là một thách thức rất lớn đối với nền

kinh tế nước ta. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài là một trong những định hướng cải thiện CCTM. Đồng thời, cải cách doanh nghiệp trong nước (phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước) theo hướng nâng cao khả năng cạnh tranh để phát triển XK và thay thế NK cũng là hướng chủ đạo để cải thiện CCTM.

- CCTM của nước ta trong thời gian qua ít chịu ảnh hưởng của tỉ giá hối đoái. Tỉ giá hối đoái là một trong những yếu tố hết sức cơ bản ảnh hưởng đến CCTM. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong những năm qua, việc điều chỉnh tỉ giá hối đoái ở nước ta ít có ảnh hưởng đến CCTM. Nguyên nhân chủ yếu là do một tỉ trọng lớn sản phẩm XK của ta là sản phẩm thô nên sản lượng ít co giãn về nguồn cung ứng khi có sự thay đổi giá cả tương đối, đặc biệt trong ngắn hạn.

Như vậy, mặc dù thâm hụt CCTM nước ta vẫn ở mức cho phép, trước mắt chưa gây biến động lớn đối với ổn định kinh tế vĩ mô tuy nhiên, xét về dài hạn, thâm hụt CCTM đang tiềm ẩn nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ổn định và tăng trưởng kinh tế bền vững.

### **3. Bài học kinh nghiệm và các giải pháp điều chỉnh cán cân thương mại.**

- Để điều chỉnh CCTM, trong những năm qua, Chính phủ và các bộ, ngành đã áp dụng nhiều biện pháp như khuyến khích phát triển XK, quản lý NK, điều chỉnh tỉ giá hối đoái, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, quản lý nợ, chống buôn lậu, gian lận thương mại... Tuy nhiên, những giải pháp này được áp dụng chưa thật đồng bộ và còn có những ý kiến khác nhau về tình trạng nhập siêu và các giải pháp để hạn chế nó. Từ góc độ lý thuyết và phân tích thực tiễn ở Việt Nam, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc điều chỉnh CCTM như sau:

- Điều chỉnh CCTM trong dài hạn nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế bền vững phải sử dụng đồng bộ các biện

pháp như thương mại, đầu tư, tỉ giá hối đoái, quản lý nợ nước ngoài và các biện pháp khác. Sự phối hợp các chính sách trong điều chỉnh CCTM là hết sức cần thiết.

- Điều chỉnh CCTM không phải là tìm mọi biện pháp để đạt được sự cân bằng. Cân bằng CCTM không phải là mục tiêu cuối cùng, mà mục tiêu là nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô. Do đó, cần có những biện pháp điều chỉnh linh hoạt tùy theo từng giai đoạn. Trong giai đoạn hiện nay, một CCTM thâm hụt ở mức độ cho phép sẽ thúc đẩy NK đổi mới công nghệ, tăng năng suất và do đó thúc đẩy XK để cải thiện CCTM trong dài hạn. Để đẩy mạnh CNH cần nhanh chóng chuyển sang áp dụng mô hình CNH theo hướng XK dựa trên lợi thế so sánh và tự do hoá NK cạnh tranh để khai thác lợi thế của quá trình tự do hoá thương mại.

- Để cải thiện CCTM trong dài hạn biện pháp chủ đạo là phát triển XK. Tuy nhiên, NK để cải tiến công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế có vai trò quyết định tăng XK. Do đó, hạn chế NK quá mức sẽ không thể cải thiện được CCTM trong dài hạn khi nó đang ở mức độ cho phép. NK thúc đẩy phát triển công nghệ là nhân tố quyết định tăng năng suất, do đó, có tác dụng nâng cao khả năng cạnh tranh và chuyển dịch cơ cấu hàng XK và thay thế NK.

- Cần có mức độ mở cửa đúng mức để đón nhận những cơ hội từ bên ngoài; bảo hộ cao và duy trì trong thời gian dài sẽ đánh mất cơ hội do quá trình hội nhập mang lại. Giảm và xoá bỏ các rào cản thương mại sẽ thúc đẩy sức cạnh tranh của hàng hoá sản xuất thay thế NK và XK.

- Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ là một trong những biện pháp quan trọng để giảm NK nguyên vật liệu và phụ kiện, nâng cao sức cạnh tranh của hàng XK đồng thời tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Chưa thấy có mối quan hệ rõ rệt giữa việc phá giá đồng tiền Việt Nam với việc cải thiện CCTM. Do đó, phải cân nhắc khi phá giá đồng nội tệ. Trong điều kiện nợ nước ngoài ở mức cao, giá cả thế giới biến động mạnh, độ co giãn của các mặt hàng XK và NK, phá giá đồng nội tệ sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng như gia tăng nợ nước ngoài, lạm phát.

Để cải thiện CCTM, trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng XK, chuyển dịch cơ cấu hàng hoá XK theo hướng gia tăng tỉ trọng hàng công nghiệp chế biến, các ngành sản xuất XK dựa vào vốn và kĩ thuật cao để gia tăng giá trị; giảm chi phí kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại; đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp, trước hết là doanh nghiệp nhà nước. Có chính sách tiếp thêm sức mạnh cho khu vực tư nhân.

- Tăng cường quản lý NK, ưu tiên NK công nghệ nguồn; đa dạng hoá thị trường NK, hạn chế sự phụ thuộc quá mức vào một số thị trường; tăng cường kiểm soát NK, đặc biệt là hàng tiêu dùng trong nước có thể sản xuất được, đồng thời, ngăn chặn việc nhập lậu hàng từ các nước ASEAN và Trung Quốc để bảo vệ hàng sản xuất trong nước; hoàn thiện và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với công nghệ NK để hạn chế NK công nghệ lạc hậu, công nghệ cũ.

- Cải thiện môi trường đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cân nhắc lựa chọn các dự án đầu tư, nhất là đầu tư vào những ngành không hiệu quả; cải thiện môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xem đây là một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao trình độ công nghệ và tạo sức ép cải thiện chất lượng lao động, quản lý.

- Đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ; điều chỉnh chính sách thuế để khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào phát triển các ngành công

nghiệp phụ trợ; có chính sách ưu đãi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp phụ trợ như giảm thuế NK máy móc, miễn thuế doanh nghiệp trong một thời gian nhất định; từng bước cắt giảm bảo hộ đối với các mặt hàng nguyên nhiên liệu sản xuất trong nước để đưa các doanh nghiệp vào môi trường cạnh tranh, thích ứng với môi trường tự do hoá đang ngày càng mở rộng.

- Từng bước điều chỉnh tỉ giá hối đoái linh hoạt theo hướng thị trường. Trước mắt, Nhà nước có thể điều chỉnh theo hướng giảm nhẹ giá đồng Việt Nam nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh quốc tế của hàng Việt Nam.

Ngoài ra, cần nâng cao hiệu quả quản lý nợ nước ngoài; hạn chế vay thương mại để NK hàng tiêu dùng và hàng xa xỉ; nâng cao hiệu quả của các dự án sử dụng vốn vay ODA; phát hành trái phiếu chính phủ ra nước ngoài để thu hút kiều hối; tranh thủ các nguồn tài trợ nước ngoài và có chính sách thu hút kiều hối lâu dài; đẩy mạnh XK dịch vụ để giảm sức ép đối với thâm hụt CCTM hàng hoá; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế thị trường như là một điều kiện tiên quyết đối với việc thực hiện CNH, HĐH, đồng thời, làm cho thể chế kinh tế minh bạch hơn, năng động hơn, hạn chế những tệ nạn tiêu cực như tham nhũng, gian lận thương mại □

#### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Thương mại, Báo cáo tình hình thương mại các năm 2001-2004, tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2005, Hà Nội.
2. Joseph E. Stiglitz và Shahid Yusuf, Suy ngẫm lại sự thần kì Đông Á (Sách tham khảo), NXB Chính trị quốc gia, 2002.
3. Ngân hàng thế giới, Việt Nam đẩy mạnh đổi mới để tăng trưởng xuất khẩu, 2001.
4. Nguyễn Văn Công, Chính sách tỉ giá hối đoái trong tiến trình hội nhập kinh tế ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, 2004.
5. Võ Trí Thành, Khả năng chịu đựng cán cân tài khoản vãng lai Việt Nam, NXB Lao động, 2002.